

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 227/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09/7/2024.

"V/v Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thanh

Bà Mai Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 274/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024, về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 296/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Lê Minh N**, sinh năm 1990,

Địa chỉ: **Khu H, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương.**

Người được anh **N** ủy quyền giao, nhận văn bản tố tụng: Anh **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1993; Địa chỉ: **A đường N, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương.**

- Bị đơn: Chị **Khin Myat N1**, sinh năm 1993,

Quốc tịch: **M**; Địa chỉ: **Số C đường A, quận B, thị trấn P, thành phố P, vùng T, M.**

Anh **N**, anh **T** và chị **Khin M** Noe vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh **Lê Minh N** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị **K** Myat Noe là người quốc tịch Myanmar tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Tòa án **quận B** theo Hợp đồng hôn nhân số 498/2018. Sau khi kết hôn, một năm đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng về sau càng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Tháng 5/2019 chị **Khin Myat N1** sang Singapore xuất khẩu lao động, lúc đó do vì dịch

bệnh Covid xảy ra nên tôi không thể sang thăm chị **K** Myat Noe nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, thường xuyên cãi vã nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về việc chi tiêu và lối sống. Sau khi hết thời hạn làm việc tại Singapore thì chị **Khin Myat N1** đã quay trở lại **M1**. Cuộc sống vợ chồng xa cách nên anh chị không còn quan tâm hay nói chuyện với nhau nữa, mặc dù hai bên đã cố gắng hòa giải và gia đình cũng nhiều lần khuyên bảo nhưng không được. Tháng 2/2024 anh có liên lạc lại được và trao đổi với chị **Khin Myat N1** về vấn đề ly hôn thì chị **Khin Myat N1** có nhắc lại quan điểm với anh là chị đồng ý ly hôn. Anh và chị **Khin M** Noe sống ly thân đã lâu, nay anh xác định tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị **K** Myat Noe để sớm ổn định cuộc sống riêng.

- Về con chung: Anh và chị **Khin Myat N1** không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị **Khin Myat N1 có trình bày ý kiến tại bản tự khai có xác nhận của **D** tại Myanmar:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Lê Minh N** tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Tòa án **quận B** theo Hợp đồng hôn nhân số 498/2018. Sau khi kết hôn, một năm đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng về sau càng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Tháng 5/2019 chị sang Singapore xuất khẩu lao động, lúc đó do vì dịch bệnh **C** xảy ra nên vợ chồng không gặp nhau nên mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng hơn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Sau khi hết thời hạn làm việc tại Singapore thì chị quay trở lại **M1**, cuộc sống vợ chồng trở nên xa cách hơn và không còn quan tâm hay nói chuyện với nhau nữa, mặc dù hai bên đã cố gắng hòa giải và gia đình cũng nhiều lần khuyên bảo nhưng không được. Tháng 2/2024 anh **N** có liên lạc lại với chị về vấn đề ly hôn, nay chị xác định mâu thuẫn không thể hòa giải được nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh **N**.

- Về con chung: Chị và anh **N** không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh **N** có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn chị **Khin Myat N1** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho anh **Lê Minh N** ly hôn chị **Khin Myat N1**; Về con chung: Không có nên không yêu cầu

giải quyết; Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Anh **N** phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh **Lê M2** khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị **Khin Myat N1**. Chị **Khin Myat N1** là người Myanmar hiện nay đang sinh sống và lao động tại **M**, anh **N** có địa chỉ tại **thị xã K, tỉnh Hải Dương**. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Anh **N** vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xử vắng mặt, chị **Khin Myat N1** có đơn đề nghị xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh **N**, chị **Khin Myat N1**

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Lê Minh N** và chị **K** Myat Noe là người quốc tịch Myanmar tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Tòa án **quận B** theo Hợp đồng hôn nhân số 498/2018 ngày 02/11/2018 và **đã được ghi sổ hộ tịch của UBND huyện K**, nên có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, một năm đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng về sau càng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Tháng 5/2019 chị **Khin Myat N1** sang Singapore xuất khẩu lao động, lúc đó do vì dịch bệnh **C** xảy ra nên anh **N** không thể sang thăm chị **K** Myat Noe nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, thường xuyên cãi vã nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về việc chi tiêu và lối sống. Sau khi hết thời hạn làm việc tại Singapore thì chị **Khin Myat N1** đã quay trở lại **M1**. Cuộc sống vợ chồng xa cách nên anh chị không còn quan tâm hay nói chuyện với nhau nữa, mặc dù hai bên đã cố gắng hòa giải và gia đình cũng nhiều lần khuyên bảo nhưng không được. Tháng 2/2024 anh **N** có liên lạc lại được và trao đổi với chị **Khin Myat N1** về vấn đề ly hôn. Nay anh **N** xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị **Khin Myat N1** cũng xác định vợ chồng xa cách nhau đã lâu không còn tình cảm, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên anh **N** có đơn xin ly hôn thì chị **Khin Myat N1** cũng đồng ý theo yêu cầu của anh **N**. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh **N** và chị **Khin Myat N1** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho anh **N** được ly hôn chị **K** Myat Noe là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh **N** và chị **K** Myat Noe không có con chung nên không giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh **N** là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia

đình sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh **Lê Minh N** được ly hôn chị **Khin Myat N1**.

2. Về án phí: Anh **Lê Minh N** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23 số 0000715 ngày 22/5/2024 (anh **N** đã nộp đủ án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Anh **N** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Chị **Khin M** Noe vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND huyện Kinh Môn (để ghi sổ hộ tịch)
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cường